

*(Theo mẫu tại phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC
ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

NĂM 2020



Hải phòng, tháng 03 năm 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200453688
- Vốn điều lệ: 551.227.980.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 551.227.980.000 đồng
- Địa chỉ: Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3836705
- Số fax: 0225.3836104
- Website: www.viconship.com
- Mã cổ phiếu: VSC
- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty là Công ty Container Việt Nam, chính thức thành lập ngày 27 tháng 7 năm 1985 theo quyết định số 1310/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Số vốn ban đầu được Nhà nước giao tại thời điểm thành lập là 7,2 triệu đồng.

Các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty ngay từ khi thành lập là: Cung cấp các dịch vụ về đại lý tàu biển, đại lý giao nhận cho các hãng tàu Container nước ngoài, bốc xếp, vận chuyển container, khai thác kho bãi... Công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam tổ chức các hoạt động dịch vụ vận tải bằng container. Với phương châm tự tích lũy để phát triển, chuyển đổi phù hợp với nền kinh tế thị trường, Công ty đã trưởng thành về mọi mặt, quy mô sản xuất tăng đáng kể.

Năm 2002, Công ty tiến hành cổ phần hóa toàn bộ doanh nghiệp với tên gọi Công ty Cổ phần Container Phía Bắc theo quyết định số 183/TTG ngày 04 tháng 03 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Tháng 6 năm 2002, đổi tên thành Công ty Cổ phần Container Việt Nam.

Ngày 12/12/2007, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Quyết định Niêm yết số 172/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship) niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Tp HCM. Ngày 09/01/2008 cổ phiếu Viconship đã chính thức giao dịch với mã chứng khoán VSC và là công ty thứ 139 niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán T.P Hồ Chí Minh.

- Các sự kiện khác:

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2002, được sửa đổi bổ sung lần thứ 20 vào ngày 11 tháng 07 năm 2019 với mã số doanh nghiệp : 0200453688.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Khai thác cảng biển
 - + Khai thác kho bãi
 - + Vận tải bộ
- Địa bàn kinh doanh:

Công ty hoạt động kinh doanh trên các địa bàn: Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Tp Hồ Chí Minh. Trong đó, địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng doanh thu lớn là khu vực Hải Phòng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

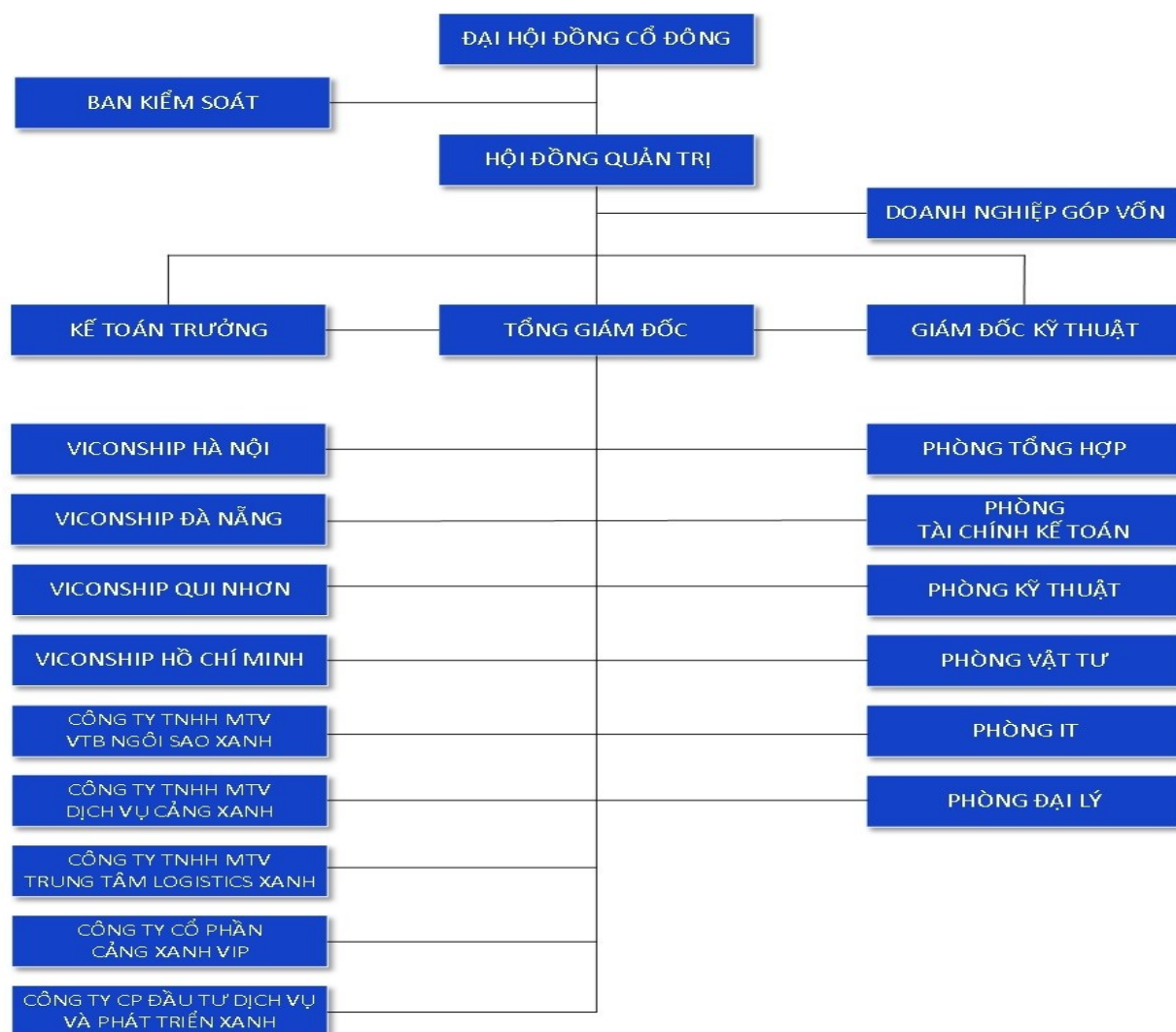
– Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Tổng giám đốc.

– Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Container Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần container Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty cổ phần Container Việt Nam đã xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, định hướng hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, với các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và phụ thuộc trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam.



– Các công ty con, công ty liên kết:

<i>Tên Doanh nghiệp</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Lĩnh vực KD chính</i>	<i>Vốn góp của Công ty</i>	<i>Chiếm tỷ lệ</i>
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh	Số 5 Võ Thị Sáu – Hải Phòng	Công ty con	Vận tải, bốc xếp	76.000.000.000	100%
Công ty CP Đầu tư dịch vụ và phát triển xanh	Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Công ty con	Bốc xếp, kho bãi	80.400.000.000	66%
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải – TP Hải Phòng	Công ty con	Bốc xếp, kho bãi	90.000.000.000	100%
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Số 75 Quang Trung – TP Đà Nẵng	Công ty con	Vận tải, bốc xếp	19.825.000.000	65%
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải – TP Hải Phòng.	Công ty con	Khai thác cảng, bốc xếp, kho bãi	518.850.000.000	74%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	Số 1 Ngô Quyền – Đông Hải 1 – Hải An – TP Hải Phòng.	Công ty con	Khai thác cảng, bốc xếp, kho bãi	110.000.000.000	100%
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Yết Kiêu – Phường Thọ Quang – Sơn Trà – Đà Nẵng	Công ty liên kết	Kho bãi	14.430.000.000	31%
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	KCN Đình Vũ – Hải An – TP Hải Phòng	Công ty liên kết	Khai thác cảng, bốc xếp, kho bãi	80.991.207.286	22%
Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Công ty liên kết	Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	2.002.500.000	30%

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là tiến hành mở rộng hệ thống dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, mặt khác Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khắt khe của khách hàng. Đảm bảo việc phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và phấn đấu trở thành một công ty logistics mang tầm cỡ quốc tế.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là xem xét nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tiềm năng trên cơ sở những thế mạnh kinh doanh sẵn có, nhằm mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và ngày càng đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng luôn song hành và gắn liền với hệ thống quản lý, văn hóa của Công ty.

5. Các rủi ro:

Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn khó khăn và biến động bất thường. Đại dịch COVID-19 bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu. Thị trường vận tải biển không ổn định, các hãng tàu lớn kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn. Sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt. Các yếu tố kể trên có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2020 là năm có nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 và cạnh tranh khốc liệt giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo và chiến lược phát triển đúng đắn của HĐQT, Ban điều hành, Công ty vẫn tiếp tục duy trì được nhịp độ tăng trưởng, phát triển bền vững và đạt được những kết quả rất khả quan trong sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thuần đạt 1.688,87 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 335,89 tỷ đồng.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 3.913 đồng.

Hoạt động khai thác cảng biển vẫn là hoạt động chính chiếm tỷ trọng lớn về doanh thu và lợi nhuận.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh cùng kỳ		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ	Năm 2020	Năm 2019	Tỷ lệ
Tổng doanh thu	1.688,87	1.550	108,96 %	1.688,87	1.792,75	94,21 %
Lợi nhuận trước thuế	335,89	266	126,27 %	335,89	342,17	98,17 %

Tổng doanh thu thuần đạt 1.688,87 tỷ đồng, tăng 8,96% so với kế hoạch năm 2020 ĐHĐCĐ giao, bằng 94,21% so với thực hiện năm 2019.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 335,89 tỷ đồng, tăng 26,27% so với kế hoạch năm 2020 ĐHĐCĐ giao, bằng 98,17% so với thực hiện năm 2019.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

Danh sách	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc	0,12% Vốn điều lệ
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc kỹ thuật	0,02% Vốn điều lệ
Ông Lê Thế Trung	Kế toán trưởng	0,05% Vốn điều lệ

Tóm tắt lý lịch:

Ông Nguyễn Văn Tiến – Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 19/11/1969 Nơi sinh: Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương

Số CMND: 030969378 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: 20/8B Cù Chính Lan, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Ông Nguyễn Thế Trọng – Ủy viên HĐQT – Giám đốc kỹ thuật

Ngày sinh: 01/11/1978 Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 030980816 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Cộng Hoà, Yên Hưng, Quảng Ninh

Địa chỉ thường trú: Số nhà 51/333 Văn Cao, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ, cử nhân quản trị doanh nghiệp.

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc kỹ thuật Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Ông Lê Thế Trung – Kế toán trưởng

Ngày sinh: 10/07/1975 Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 031075000430 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Quảng Thành, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: Số nhà 13, Đông Trà 3, Dư Hàng Kênh, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển.

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Container Việt Nam.

– Những thay đổi trong Ban điều hành:

Năm 2020, Công ty đã ban hành Nghị quyết miễn nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng đối với ông Trần Xuân Bạo, đồng thời bổ nhiệm ông Lê Thế Trung giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 01/07/2020.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty là: 1.162 người.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Đầu tư 3 xe nâng hàng Kalmar, 3 xe nâng hàng Hyster, 1 xe nâng vò: 57,6 tỷ đồng
- Đầu tư 2 RTG mới 100%: 63,5 tỷ đồng
- Nạo vét, nâng cấp bãi, nhà xưởng, các công trình phụ trợ và đầu tư các thiết bị khác: 54,75 tỷ đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

* Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh

- Mối quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: vận chuyển và bốc xếp hàng hóa.
- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2020 như sau:

+ Doanh thu: 223,94 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 19,30 tỷ đồng

* Công ty Cổ phần Container Miền Trung

- Mối quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: vận chuyển và bốc xếp hàng hóa, khai thác kho bãi.
- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2020 như sau:

+ Doanh thu: 182,43 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 10,56 tỷ đồng

* Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh

- Mối quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: Kinh doanh kho bãi, bốc xếp hàng hóa.
- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2020 như sau:

+ Doanh thu: 435,90 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 62,86 tỷ đồng

* Công ty CP Đầu tư dịch vụ và phát triển xanh

- Mối quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: khai thác kho bãi, bốc xếp hàng hóa, sửa chữa container.

- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2020 như sau:

+ Doanh thu: 189,07 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 42,53 tỷ đồng

*** Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh**

- Mối quan hệ: Công ty con

- Lĩnh vực hoạt động chính: Kinh doanh kho bãi, bốc xếp hàng hóa.

- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2020 như sau:

+ Doanh thu: 218,63 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 18,66 tỷ đồng

*** Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

- Mối quan hệ: Công ty con

- Lĩnh vực hoạt động chính: khai thác cảng biển, bốc xếp hàng hóa, khai thác kho bãi

- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2020 như sau:

+ Doanh thu: 742,67 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 168,85 tỷ đồng

*** Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng**

- Mối quan hệ: Công ty liên kết

- Lĩnh vực hoạt động chính: khai thác kho, bãi

*** Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ**

- Mối quan hệ: Công ty liên kết

- Lĩnh vực hoạt động chính: bốc xếp hàng hóa, khai thác kho bãi

*** Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội**

- Mối quan hệ: Công ty liên kết

- Lĩnh vực hoạt động chính: Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.393.244.920.951	2.458.144.481.968	2,71%
Doanh thu thuần	1.792.750.624.059	1.688.865.060.005	-5,80%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	345.260.250.337	331.352.377.743	-4,03%
Lợi nhuận khác	-3.087.185.310	4.533.375.616	--
Lợi nhuận trước thuế	342.173.065.027	335.885.753.359	-1,84%
Lợi nhuận sau thuế	285.795.269.364	296.404.440.349	3,71%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	20%	--

- Các chỉ tiêu khác

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	2,45 lần	3,12 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	2,35 lần	3,03 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	13,50%	11,69%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	15,61%	13,24%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán</i> <i>Hàng tồn kho bình quân</i>	57,74 lần	48,67 lần	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản :	74,91%	68,70%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	15,94%	17,55%	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13,81%	13,65%	
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	11,94%	12,06%	
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	19,26%	19,62%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu: 55.122.798 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 55.122.798 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 55.122.798 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số lượng CP năm giữ
1	Tổ chức	50,33	27.744.229
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	22,51	12.410.453
	Tổ chức Việt nam	27,82	15.333.776
	Cá nhân	49,67	27.378.569
	<i>Trong đó:</i>		
	Cá nhân nước ngoài	1,23	676.594
	Cá nhân Việt nam	48,44	26.701.975
2	Trong nước	76,26	42.035.751
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức trong nước	27,82	15.333.776
	Cá nhân trong nước	48,44	26.701.975
	Nước ngoài	23,74	13.087.047
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	22,51	12.410.453
	Cá nhân nước ngoài	1,23	676.594
3	Phân loại khác		
	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần trở lên	47,11	25.968.181
	Cổ đông Nhà nước	0	0
	Cổ phiếu quỹ	0	0

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:
Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của Công ty là: 0 cổ phiếu.
- e) Các chứng khoán khác: không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp: Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ cảng biển, kho bãi nên ước tính tổng lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp đạt mức độ thấp.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty luôn áp dụng các công nghệ mới, trang bị các thiết bị hiện đại trong sản xuất kinh doanh để giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm;

Ngành nghề chính của Công ty là bốc xếp cảng biển, khai thác kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hàng hải, nên nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất kinh doanh của Công ty là điện năng, dầu diesel, dầu mỡ phụ và các vật tư phụ tùng khác. Nguyên vật liệu năm 2020 là: 125,12 tỷ đồng.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: rất ít.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp tương đương: 83,29 tỷ đồng

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Lượng nước tiêu thụ chủ yếu là nước phục vụ cho sinh hoạt văn phòng, vệ sinh bãi, container. Lượng nước sử dụng năm 2020 tương đương: 1,81 tỷ đồng

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động bình quân trong năm của Công ty là: 1.162 người. Thu nhập bình quân: 16.500.000 đồng / người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 6 tháng một lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn.

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ ... Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

Thực hiện tốt công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn và đáp ứng được sự phát triển của Công ty. Trong năm 2020 Công ty đã thực hiện tốt việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Công ty xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ tốt nhất cho người lao động trong công việc và phát triển sự nghiệp.

Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương luôn được Công ty quan tâm thực hiện. Công ty luôn tích cực, chi nhiều tỷ đồng trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, ủng hộ đồng bào bão lụt, ủng hộ chống dịch bệnh Covid-19.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty đang có những định hướng và áp dụng để phát triển hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

– Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Năm 2020 là năm có nhiều khó khăn và cạnh tranh khốc liệt. Các mảng dịch vụ chính của Công ty có khó khăn, đặc biệt trong giai đoạn nhiều nước áp dụng biện pháp giãn cách xã hội do ảnh hưởng của dịch COVID-19. Kinh doanh khai thác cảng/ kho/ bãi/ vận tải container đường bộ cung vượt cầu quá lớn; khu vực Đà Nẵng có những thời điểm gần như phải làm việc 50% do ảnh hưởng của bùng phát dịch lần hai, HCM vẫn khó khăn trong việc mở rộng sản xuất kinh doanh, ...song Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ - nhịp nhàng cả về công tác làm thị trường trong điều kiện “bình thường mới”; quản lý và đầu tư phù hợp với thực tế khai thác, phù hợp với vùng miền; nhanh nhạy thích ứng với các biến động và kiên định với các quyết sách kinh doanh. Nhìn chung tổng quan kết quả đạt được năm 2020 là sự nỗ lực của toàn thể Ban lãnh đạo; tập thể người lao động vì một mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững của Viconship.

Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước, Pháp luật về tài chính. Quản lý tốt các nguồn thu/chi của Công ty và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nghiêm túc đầy đủ.

Công tác làm thị trường được Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và thích ứng kịp thời trong năm đại dịch COVID-19. Chiến lược làm thị trường trong toàn Công ty được nâng tầm thêm bên cạnh việc “giữ vững khách hàng hiện tại và mời thêm khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Công ty” đó là “*mang thêm các dịch vụ giá trị gia tăng cho Khách hàng – VAS*”. Mở rộng tiếp thị sâu rộng đến đối tượng Khách hàng của các Khách hàng. Tiếp tục theo đuổi mục tiêu ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ và *tiếp thị làm thị trường* trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0. Đây là điểm mới về tiếp thị và làm thị trường của Ban lãnh đạo Công ty trong đại dịch COVID-19. Công ty tiếp tục kinh doanh có hiệu quả, doanh thu và lợi nhuận đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Thương hiệu Công ty ngày càng được nhiều Khách hàng/ tổ chức tài chính/ Công ty cùng ngành nghề trong và ngoài nước biết đến và đặt mối quan hệ hợp tác cũng như là trở thành cổ đông của Công ty.

Người lao động được đảm bảo việc làm; thu nhập ổn định. Công tác an sinh xã hội; trách nhiệm với cộng đồng được thực hiện tốt.

Tổng doanh thu thuần đạt 1.688,87 tỷ đồng, tăng 8,96% so với kế hoạch năm 2020 ĐHĐCĐ giao, bằng 94,21% so với thực hiện năm 2019.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 335,89 tỷ đồng, tăng 26,27% so với kế hoạch năm 2020 ĐHĐCĐ giao, bằng 98,17% so với thực hiện năm 2019.

– Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Năm 2020, Công ty tiếp tục giữ vững được quá trình tăng trưởng và phát triển. Thương hiệu của Công ty được nâng lên tầm cao mới trên thị trường trong nước và quốc tế.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản đầu kỳ 2.393,25 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 635,59 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 1.757,66 tỷ đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ 2.458,14 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 895,76 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 1.562,39 tỷ đồng.

Trong năm Công ty đã đầu tư, đưa vào sử dụng các máy móc, trang thiết bị, phương tiện vận tải. Tài sản đầu tư thêm đã mang lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

Không có nợ phải thu xấu. Các khoản nợ phải thu luôn được tích cực thu hồi sớm, tránh triệt để trường hợp khách hàng nợ đọng kéo dài.

b) Tình hình nợ phải trả

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nợ phải trả đầu kỳ là 323,17 tỷ đồng, cuối kỳ là: 287,45 tỷ đồng. Trong đó, khoản vay dài hạn đầu kỳ là: 64,06 tỷ đồng, cuối kỳ là: 0 tỷ đồng.

– Hiện tại Công ty không có nợ phải trả xấu. Chênh lệch của tỉ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác quản lý được quan tâm từ các khâu: tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, quản trị tài chính, quản trị các chi phí theo đúng các quy định hiện hành cũng như mới ban hành.

Các quy trình quản lý, sản xuất được rà soát, sửa đổi và làm mới phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Các Công ty con, đơn vị thành viên chủ động làm mới các quy trình phù hợp với đơn vị.

Nâng cao ý thức trách nhiệm, tính chuyên nghiệp của CBCNV, tăng năng suất lao động.

Tổ chức thi thợ giỏi, khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

Ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ. Tiếp tục hoàn thiện ứng dụng phần mềm “E-port” và các ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực khác.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh chính của Công ty ổn định trên 3 miền Bắc – Trung – Nam.

Kiên định với chiến lược tiếp thị và làm thị trường “giữ vững khách hàng hiện tại và tìm kiếm khách hàng mới” thông qua việc cùng khách hàng cung cấp các giải pháp “Gói dịch vụ” song song với việc cung cấp thêm “Dịch vụ giá trị gia tăng”.

Kết nối các đơn vị trong Công ty sâu rộng hơn nữa và không chỉ giới hạn trong phạm vi Công ty.

Đầu tư mở rộng sản xuất, lựa chọn các hạng mục đầu tư/ nâng cấp cơ sở hạ tầng để phát triển cho năm 2021 và các năm tiếp theo. Tiếp tục theo đuổi dự án cảng nước sâu tại Hải Phòng, Đà Nẵng.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của CBCNV và đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Đào tạo nguồn nhân lực cho mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, tạo điều kiện, hỗ trợ và khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý và tính chủ động sáng tạo.

Luôn tiên phong ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ và tiếp thị làm thị trường.

Rà soát nhân sự, tiền lương và điều chuyển lao động hợp lý giữa các đơn vị để quản lý và sử dụng lao động hiệu quả nhất.

Tăng cường kiểm tra giám sát các Công ty con, các đơn vị thành viên.

Quản lý tốt nguồn lực, các chi phí; triệt để tiết kiệm; đảm bảo kinh doanh có hiệu quả; tỷ lệ cổ tức đạt từ 20% và có tích lũy để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Các chỉ tiêu môi trường và trách nhiệm về môi trường luôn được đảm bảo và ưu tiên hàng đầu trong quá trình phát triển bền vững Công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty cổ phần container Việt Nam coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn. Hoàn thành tốt việc nâng bậc lương trong năm theo đúng quy định.

Người lao động đảm bảo có việc làm và thu nhập ổn định

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

- *Tình hình kinh tế thế giới:* Đại dịch COVID-19 bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu đã khiến bức tranh kinh tế thế giới năm 2020 hết sức u ám. Các quốc gia đều đang đánh giá đại dịch COVID-19 tác động ra sao đối với kinh tế thế giới. Mặc dù còn có nhiều quan điểm khác nhau, nhưng tất cả đều thống nhất rằng, kinh tế toàn cầu sau đại dịch sẽ rất khác so với trước đây. IMF chỉ ra rằng, COVID-19 là cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội nghiêm trọng nhất kể từ chiến tranh thế giới thứ hai trở lại đây. Mức độ nghiêm trọng đã vượt xa khủng hoảng tài chính 2008, thậm chí vượt cả Đại suy thoái ở Mỹ vào những năm 1930.

- *Gia tăng điều chỉnh cơ cấu kinh tế, thương mại toàn cầu:* WTO với vai trò là hạt nhân của hệ thống thương mại quốc tế tự do, nhưng giờ trật tự kinh tế, thương mại toàn cầu đang được vẽ lại. Các nước liên tiếp tìm cách thúc đẩy hợp tác thương mại thông qua các Hiệp định khu vực hoặc liên khu vực: Hiệp định thương mại EU và Nhật Bản; Hiệp định bảo hộ mậu dịch, đầu tư Singapore – EU; Anh và Hàn Quốc ký Hiệp định mậu dịch tạm thời; Hiệp định quan hệ đối tác toàn diện, tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), EVFTA, ...

- *VIỆT NAM:* Báo cáo “Điểm lại” của WB công bố ngày 21/12/2020 nhận định tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 2,8% trong năm 2020. Theo WB, mặc dù kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, nhưng nhờ có các biện pháp đối phó chủ động, sáng tạo ở các cấp, kinh tế vĩ mô và tài khóa ổn định nên kinh tế Việt Nam có sức chống chịu đáng kể. Thặng dư thương mại hàng hóa tiếp tục tăng kỷ lục, một phần nhờ hàng xuất khẩu sang Mỹ tăng mạnh. Thặng dư thương mại hàng hóa trong 10 tháng đầu năm 2020 của Việt Nam đạt mức kỷ lục 17,7 tỷ USD, trong đó thặng dư tháng 10 đạt 1,4 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa tăng lần lượt 9,7% và 9,8% so với cùng kỳ năm trước.

- *Tình hình thị trường vận tải container đường biển, bộ vẫn cạnh tranh ngày càng khốc liệt.* Các hãng tàu vẫn tìm mọi biện pháp để cắt giảm chi phí, đặc biệt là các hãng tàu có dịch vụ tại khu vực Hải Phòng. Sự tăng về cung trong các mảng dịch vụ cảng, kho, bãi, vận tải dẫn tới cạnh tranh về giá dịch vụ chưa có điểm dừng. Cơ sở vật chất chính của Viconship có nhiều PTTB đã trên 15 năm và có những PTTB không đáp ứng được yêu cầu của Khách hàng và một số Hãng tàu.

Với sự nỗ lực không ngừng nghỉ của HĐQT, Ban điều hành và tập thể người lao động, các mặt hoạt động điều hành, sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tốt và đúng định hướng. Công ty tiếp tục phát triển với tốc độ ổn định về quy mô, hiệu quả kinh doanh cao, doanh thu và lợi nhuận đều vượt so với kế hoạch đề ra.

Về vấn đề liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Trách nhiệm môi trường luôn được Công ty coi trọng và đề cao trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác an sinh - xã hội, hoạt động của các đoàn thể được thực hiện tốt. Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, và phúc lợi xã hội. Người lao động trong Công ty được đảm bảo việc làm, tiến bộ và có thu nhập cao.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thị trường, sự bùng phát toàn cầu của dịch bệnh Covid-19, sự cạnh tranh khốc liệt của các đơn

vị cùng ngành nghề, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh rất đáng tự hào, Công ty ngày càng tăng trưởng ổn định, bền vững.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong thời gian tới, tiếp tục định hướng Công ty phát triển mảng hoạt động sản xuất kinh doanh cảng biển cốt lõi, đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu trên thị trường trong nước và quốc tế.

Lựa chọn các hạng mục, dự án đầu tư, quy mô đầu tư để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh, tiếp tục đưa Công ty phát triển bền vững và tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai, từng bước đưa Công ty trở thành Công ty kinh doanh Logistics mang tầm cỡ quốc tế.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các cty khác
1	Ông Nguyễn Việt Hoà	Chủ tịch	1,53 %	Thành viên HĐQT	1
2	Ông Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên	0,12%	Thành viên HĐQT	1
3	Ông Nguyễn Hoàng Anh	Ủy viên	0%	Thành viên HĐQT	1
4	Ông Trần Tiến Dũng	Ủy viên	0%	Thành viên HĐQT	1
5	Ông Nguyễn Thế Duy	Ủy viên	0%	TV độc lập HĐQT	0
6	Bà Đặng Trần Gia Thoại	Ủy viên	0,05%	Thành viên HĐQT	2
7	Ông Nguyễn Việt Trung	Ủy viên	0,01%	Thành viên HĐQT	3
8	Ông Nghiêm Tuấn Anh	Ủy viên	0,01%	Thành viên HĐQT	2
9	Ông Nguyễn Thế Trọng	Ủy viên	0,02%	Thành viên HĐQT	1

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Ông Lê Thế Trung là thư ký HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị họp định kỳ, bất thường để tổng kết đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh; chỉ đạo, định hướng kế hoạch kinh doanh cho giai đoạn kế tiếp.

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Container Việt Nam ngày 19/06/2020 đã bầu ra HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 gồm 9 thành viên. Các thành viên HĐQT đã bầu Ông Nguyễn Việt Hòa giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 5 năm 2020 – 2025.

HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giám sát các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tình hình kinh tế thế giới năm 2020 vẫn tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, ngành vận tải biển vẫn gặp nhiều khó khăn, dịch bệnh Covid-19 bùng phát, áp lực cạnh tranh giữa các cảng, kho bãi, vận tải ngày càng gay gắt, quyết liệt. Đánh giá đúng tình hình, HĐQT cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty đã đoàn kết, tập trung trí tuệ, đề ra những chủ trương chính sách sát với thực tiễn, chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch SXKD năm 2020.

HĐQT Công ty tổ chức nhiều cuộc họp thường kỳ trực tiếp hoặc bằng hình thức qua thư điện tử để đề ra các quyết định quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo tuân thủ định hướng của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Năm 2020 HĐQT Công ty đã có những cuộc họp quan trọng như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2020/NQ-HĐQT	03/02/2020	<p>Thông nhất thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên Công ty năm 2020 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2020: 26/02/2020. - Thời gian tổ chức Đại hội: sẽ thông báo sau (dự kiến cuối tháng 3/2020). - Địa điểm tổ chức đại hội: sẽ thông báo sau. - Nội dung thông qua Đại hội: <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị. + Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019. + Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020. + Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019. + Bầu HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2024. + Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội
2	02/2020/NQ-HĐQT	16/03/2020	<p>Thông nhất thông qua việc hoãn tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên Công ty năm 2020 do tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 đang diễn biến phức tạp, cũng như thực hiện khuyến cáo của Bộ Y tế Việt Nam cần hạn chế các sự kiện tập trung đông người, tránh nguy cơ lây lan dịch bệnh, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoãn tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm

			<p>2020 đã thông báo tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐQT ngày 03/02/2020 và Thông báo mời họp ngày 01/03/2020 của HĐQT Công ty CP Container Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hủy bỏ Danh sách chốt quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập số V062/2020-VSC/VSD-ĐK ngày 28/02/2020, với ngày đăng ký cuối cùng là ngày 26/02/2020. <p>ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2020 sẽ được tổ chức vào thời gian thích hợp nhưng không muộn hơn ngày 30/06/2020.</p>
3	03/2020/NQ-HĐQT	21/04/2020	<p>Thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên Công ty năm 2020 với các nội dung chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2020: 18/05/2020. - Thời gian tổ chức Đại hội: sẽ thông báo sau (dự kiến nửa cuối tháng 6/2020). - Địa điểm tổ chức đại hội: sẽ thông báo sau. - Nội dung thông qua Đại hội: <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị. + Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019. + Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020. + Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019. + Bầu HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025. + Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội
4	04/2020/NQ-HĐQT	19/06/2020	<p>Thông qua việc đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 1/2020 và 5 tháng đầu năm 2020 của toàn Công ty. Chỉ đạo các biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong bối cảnh thị trường hiện tại và diễn biến vẫn còn phức tạp của dịch bệnh Covid-19.</p> <p>Thống nhất thông qua việc giới thiệu đề cử nhân sự tham gia HĐQT và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 thuộc thẩm quyền của HĐQT. Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Container Việt Nam.</p> <p>Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Công ty Cổ phần Container Việt Nam đối với Ông Trần Xuân Bạo kể từ ngày 01/07/2020.</p> <p>Bổ nhiệm Ông Lê Thế Trung, sinh ngày 10/07/1975, kỹ sư kinh tế vận tải biển, giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Công</p>

			ty Cổ phần Container Việt Nam kể từ ngày 01/07/2020.
5	04/2020/BB-HĐQT	19/06/2020	<p>Họp bầu Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Container Việt Nam nhiệm kỳ 2020 – 2025.</p> <p>Ông Nguyễn Việt Hòa đã được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Container Việt Nam nhiệm kỳ 2020 – 2025.</p>
6	05/2020/NQ-HĐQT	01/07/2020	<p>Thông qua việc tái bổ nhiệm các chức danh trong bộ máy điều hành, quản lý Công ty Cổ phần Container Việt Nam, cụ thể như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tái bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Tiến, sinh năm 1969, trình độ chuyên môn: thạc sỹ Quản trị kinh doanh, giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Container Việt Nam. 2. Tái bổ nhiệm Ông Nguyễn Thế Trọng, sinh năm 1978, trình độ chuyên môn: kỹ sư máy xếp dỡ, cử nhân quản trị doanh nghiệp, giữ chức vụ Giám đốc kỹ thuật Công ty CP Container Việt Nam. 3. Tái bổ nhiệm Ông Nghiêm Tuấn Anh, sinh năm 1973, trình độ chuyên môn: kỹ sư khai thác, giữ chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (là Công ty con của Công ty CP Container Việt Nam). 4. Tái bổ nhiệm Ông Nguyễn Việt Trung, sinh năm 1976, trình độ chuyên môn: kỹ sư kinh tế vận tải biển, giữ chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV VTB Ngôi sao xanh (là Công ty con của Công ty CP Container Việt Nam). 5. Tái bổ nhiệm Ông Nguyễn Tuấn Anh, sinh năm 1975, trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế, giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Container Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh. 6. Tái bổ nhiệm Ông Dương Danh Âu, sinh năm 1978, trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế, giữ chức vụ Trưởng VPĐD Công ty CP Container Việt Nam tại Hà Nội. 7. Tái bổ nhiệm Ông Lê Thế Trung, sinh năm 1975, trình độ chuyên môn: kỹ sư kinh tế vận tải biển, giữ chức vụ Thư ký HĐQT Công ty CP Container Việt Nam. <p>Thời hạn bổ nhiệm các chức danh nêu trên là 5 năm.</p>
7	06/2020/NQ-HĐQT	15/08/2020	<p>Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2019 bằng tiền cho các cổ đông, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ thực hiện: 12% mệnh giá cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng). - Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức: 04/09/2020 - Ngày thanh toán: 18/09/2020. <p>Giao cho Tổng giám đốc công ty chỉ đạo hoàn tất các thủ tục cần thiết, thực hiện việc chi trả cổ tức theo đúng quy định hiện hành.</p>

8	07/2020/NQ-HĐQT	30/09/2020	<p>Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền cho các cổ đông, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ thực hiện: 15% mệnh giá cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng). - Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận tạm ứng cổ tức: 28/10/2020 - Ngày thanh toán: 18/11/2020. - Giao cho Tổng giám đốc công ty chỉ đạo hoàn tất các thủ tục cần thiết, thực hiện việc chi trả tạm ứng cổ tức theo đúng quy định hiện hành. <p>Thông qua việc sáp nhập Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh vào Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh để tái cơ cấu mô hình quản lý, nâng cao hiệu quả kinh doanh.</p> <p>Giao cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh và Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc sáp nhập Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh vào Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh.</p> <p>Phê duyệt các chỉ tiêu đăng ký thi đua năm 2020 của các đơn vị thành viên và mức thưởng khi hoàn thành chỉ tiêu.</p> <p>Thông qua việc đầu tư xây dựng cảng nước sâu tại khu vực Lạch Huyện để mở rộng và phát triển mảng kinh doanh khai thác cảng.</p>
---	-----------------	------------	--

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT không điều hành vẫn duy trì chế độ họp cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác. Các thành viên HĐQT không điều hành đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

Thư ký HĐQT thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Các thành viên HĐQT đều có các chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty hiện tại gồm 03 thành viên, cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng ban	0,17%
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Ủy viên	0,01%
Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Ủy viên	0,03%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ các quy định trong Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các qui chế, qui trình, các nghị quyết, quyết định.

Ban Kiểm soát Công ty họp 2 lần trong năm với các nội dung chính:

- Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020, việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành.
- Thực hiện việc giám sát các hoạt động quản lý điều hành Công ty, việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.
- Tham dự một số phiên họp của HĐQT, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.
- Thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tình hình kinh doanh, sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.

Trong năm 2020 Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên Công ty ngày 19/06/2020 quyết định chi thưởng HĐQT, BKS năm 2019 là: 2.300.000.000 đ. Tiền thưởng HĐQT, BKS năm 2019 được chi trong năm 2020 là: 2.300.000.000 đồng, chi tiết như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Việt Hoà	Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020	255.000.000
2	Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020	225.000.000
3	Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020	185.000.000
4	Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020	185.000.000

5	Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020	185.000.000
6	Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020	185.000.000
7	Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020	185.000.000
8	Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020	185.000.000
9	Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020	185.000.000
10	Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng BKS nhiệm kỳ 2015 – 2020	135.000.000
11	Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 – 2020	130.000.000
12	Bà Nguyễn Thị Yên Hà	Thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 – 2020	130.000.000
13	Ông Lê Thế Trung	Thư ký HĐQT	130.000.000
Tổng cộng			2.300.000.000

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành. Công ty thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00193-21-2

Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2021

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		895.757.954.126	635.586.906.677
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	493.382.114.203	296.857.516.444
Tiền	111		119.703.575.821	178.411.744.063
Các khoản tương đương tiền	112		373.678.538.382	118.445.772.381
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.500.000.000	3.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	7.500.000.000	3.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		268.111.036.427	211.129.622.961
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	193.832.261.311	176.467.954.758
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		41.665.304.537	5.165.933.846
Phải thu ngắn hạn khác	136		33.424.268.661	30.897.766.464
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(810.798.082)	(1.402.032.107)
Hàng tồn kho	140	9	24.491.086.794	26.441.771.941
Hàng tồn kho	141		24.491.086.794	26.441.771.941
Tài sản ngắn hạn khác	150		102.273.716.702	97.857.995.331
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	19.729.626.832	13.490.869.061
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(a)	81.745.639.134	84.367.126.270
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(a)	798.450.736	-
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.562.386.527.842	1.757.658.014.274
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.474.750.000	53.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		1.474.750.000	53.000.000
Tài sản cố định	220		921.585.734.495	1.082.397.987.485
Tài sản cố định hữu hình	221	10	914.207.255.603	1.073.428.340.976
Nguyên giá	222		2.247.137.762.457	2.206.928.353.629
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.332.930.506.854)	(1.133.500.012.653)
Tài sản cố định vô hình	227	11	7.378.478.892	8.969.646.509
Nguyên giá	228		21.436.478.750	19.805.186.750
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.057.999.858)	(10.835.540.241)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	79.611.287
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	-	79.611.287

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250		117.641.247.889	117.479.997.889
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6(b)	117.486.247.889	117.324.997.889
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	155.000.000	155.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		521.684.795.458	557.347.417.613
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	521.358.947.600	557.118.964.572
Tài sản dài hạn khác	268		325.847.858	228.453.041
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.458.144.481.968	2.393.244.920.951
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		287.446.269.234	323.166.768.966
Nợ ngắn hạn	310		287.416.269.234	259.079.310.782
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	104.828.010.651	86.908.933.261
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.940.835.088	1.663.733.749
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(b)	22.629.784.838	10.311.831.530
Phải trả người lao động	314		83.751.760.550	72.198.177.819
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	9.554.614.989	5.063.285.052
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	42.228.216.272	42.362.823.623
Vay ngắn hạn	320		-	11.948.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	22.483.046.846	28.622.525.748
Nợ dài hạn	330		30.000.000	64.087.458.184
Phải trả dài hạn khác	337		30.000.000	30.000.000
Vay dài hạn	338		-	64.057.458.184
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.170.698.212.734	2.070.078.151.985
Vốn chủ sở hữu	410	19	2.170.698.212.734	2.070.078.151.985
Vốn cổ phần	411	20	551.227.980.000	551.227.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		551.227.980.000	551.227.980.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		36.047.891.246	36.047.891.246
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	796.621.563.156	765.535.152.633
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		412.834.441.015	378.345.954.664
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		255.812.186.541	188.466.535.910
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		157.022.254.474	189.879.418.754
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		373.966.337.317	338.921.173.442
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.458.144.481.968	2.393.244.920.951

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	1.688.865.060.005	1.792.750.624.059
Giá vốn hàng bán	11		1.239.556.027.397	1.355.854.373.446
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		449.309.032.608	436.896.250.613
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	10.824.710.455	9.458.483.624
Chi phí tài chính	22	26	1.605.530.107	16.294.184.204
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>341.031.771</i>	<i>15.408.493.571</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		2.159.250.000	11.784.815.469
Chi phí bán hàng	25	27	55.877.214.781	30.973.864.238
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	73.457.870.432	65.611.250.927
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		331.352.377.743	345.260.250.337
Thu nhập khác	31		5.340.660.229	11.373.580.954
Chi phí khác	32		807.284.613	14.460.766.264
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.533.375.616	(3.087.185.310)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		335.885.753.359	342.173.065.027
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	39.383.918.193	56.606.248.704
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	30	97.394.817	(228.453.041)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		296.404.440.349	285.795.269.364
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		239.706.451.474	233.977.657.154
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		56.697.988.875	51.817.612.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	3.913	3.827

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	335.885.753.359	342.173.065.027
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	233.231.393.088	232.077.927.206
Các khoản dự phòng	03	(591.234.025)	165.574.441
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.994.040	(29.010.454)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.665.288.251)	(22.925.859.118)
Chi phí lãi vay	06	341.031.771	15.408.493.571
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	555.208.649.982	566.870.190.673
Biến động các khoản phải thu	09	(21.773.809.444)	(70.945.799.601)
Biến động hàng tồn kho	10	1.950.685.147	(4.936.144.718)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	41.748.550.782	49.238.195.646
Biến động chi phí trả trước	12	13.186.835.521	15.277.663.036
		590.320.911.988	555.504.105.036
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.298.288.942)	(19.267.995.515)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.161.185.029)	(57.178.800.892)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(31.439.478.902)	(33.200.298.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	529.421.959.115	445.857.009.789
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(95.099.237.131)	(102.357.991.313)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.355.686.364	2.194.636.362
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(4.200.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	12.148.351.887	15.273.279.405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(85.795.198.880)	(84.890.075.546)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			

	Mã số	2020 VND	2019 VND
Nhận tiền góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	31	-	891.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(76.005.458.184)	(211.114.500.000)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông công ty	36	(149.442.237.901)	(119.156.279.700)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36	(21.652.825.000)	(14.261.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(247.100.521.085)	(343.640.779.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	196.526.239.150	17.326.154.543
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm (Thuyết minh 5)	60	296.857.516.444	279.499.935.132
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.641.391)	31.426.769
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	493.382.114.203	296.857.516.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 7 công ty con (1/1/2020: 6 công ty con) như sau:

	% sở hữu và quyền biểu quyết	
	31/12/2020	1/1/2020
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	100%	100%
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	65%	65%
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	74%	74%
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	66%	66%
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	100%	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 3 công ty liên kết (1/1/2020: 3 công ty liên kết) như sau:

	% sở hữu và quyền biểu quyết	
	31/12/2020	1/1/2020
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	31%	31%
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	22%	22%
Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội	30%	30%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 1.167 nhân viên (1/1/2020: 1.152 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kế được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong các công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của các công ty liên kết này mà không phản ánh trên

báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phân lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho các công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 25 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 7 năm

- phương tiện vận chuyển 3 – 10 năm
- dụng cụ văn phòng 3 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được khấu hao do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 35 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác***(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được

ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự

kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động bốc dỡ container
- Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi
- Hoạt động vận chuyển
- Hoạt động khác

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tổng doanh thu của bộ phận	1.083.833.106.273	193.188.338.572	229.106.547.259	182.737.067.901	1.688.865.060.005
Chi phí không phân bổ					1.359.671.932.262
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					329.193.127.743
Thu nhập khác					5.340.660.229
Chi phí khác					807.284.613
Phần chia lợi nhuận của công ty liên kết					2.159.250.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp					39.481.313.010
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					296.404.440.349

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tổng doanh thu của bộ phận	1.183.415.617.380	214.351.208.822	207.258.289.824	187.725.508.033	1.792.750.624.059
Chi phí không phân bổ					1.459.275.189.191
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					333.475.434.868
Thu nhập khác					11.373.580.954
Chi phí khác					14.460.766.264
Phân chia lợi nhuận của công ty liên kết					11.784.815.469
Thuế thu nhập doanh nghiệp					56.377.795.663
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					285.795.269.364

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	672.315.315.287	153.920.186.165	213.459.325.357	134.501.081.436	1.174.195.908.245
Tài sản không phân bổ					1.283.948.573.723
Tổng tài sản					2.458.144.481.968
Nợ phải trả của bộ phận	45.763.799.048	6.575.140.557	26.615.053.943	27.814.852.191	106.768.845.739
Các khoản nợ không phân bổ					180.677.423.495
Tổng nợ phải trả					287.446.269.234
Chi tiêu vốn	51.011.150.812	13.757.245.932	17.841.797.403	12.489.042.984	95.099.237.131
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	133.290.610.817	22.966.566.000	39.260.356.308	18.156.976.666	213.674.509.791
Khấu hao tài sản cố định vô hình					3.222.459.617

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	768.214.118.770	156.094.957.746	253.551.888.902	103.643.036.103	1.281.504.001.521
Tài sản không phân bổ					1.111.740.919.430
Tổng tài sản					2.393.244.920.951
Nợ phải trả của bộ phận	41.802.852.043	5.360.998.884	21.572.227.682	19.836.588.401	88.572.667.010
Các khoản nợ không phân bổ					234.594.101.956
Tổng nợ phải trả					323.166.768.966
Chi tiêu vốn	31.303.649.500	3.776.433.215	61.163.229.270	6.114.679.328	102.357.991.313
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	127.627.159.212	23.880.809.704	45.870.059.196	15.379.053.938	212.757.082.050
Khấu hao tài sản cố định vô hình					2.986.421.476

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty chỉ có một bộ phận theo vùng địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	5.784.579.117	6.446.403.473
Tiền gửi ngân hàng	113.918.996.704	171.965.340.590
Các khoản tương đương tiền	373.678.538.382	118.445.772.381
	493.382.114.203	296.857.516.444

6. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	7.500.000.000	3.300.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm từ 4,7% đến 6,5% (1/1/2020: từ 5,5% đến 6,6%).

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

	Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng VND	Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ VND	Công ty TNHH Tuyền Container T.S Hà Nội VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	16.236.601.999	97.261.258.435	3.827.137.455	117.324.997.889
Lãi từ công ty liên kết Cổ tức	1.998.000.000 (1.998.000.000)	161.250.000 -	- -	2.159.250.000 (1.998.000.000)
Số dư cuối năm	16.236.601.999	97.422.508.435	3.827.137.455	117.486.247.889

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	31/12/2020 và 1/1/2020 % sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MSC Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	5%	155.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Khách hàng là các bên liên quan		
Công ty TNHH Tuyến Container T.S Hà Nội	5.014.396.844	5.454.082.157
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	574.117.500	-
Khách hàng là các bên thứ ba		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen Việt Nam	28.286.504.492	20.662.401.522
Công ty TNHH Cosco Shipping Lines Việt Nam	22.194.633.604	11.236.662.029
Maersk Line A/S	14.191.921.251	16.208.245.770
Mcc Transport Singapore Pte., Ltd	18.146.776.166	15.075.286.102
Ikea Supply AG	8.326.716.461	7.747.824.509
Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam	6.472.471.453	4.685.438.661
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	1.110.487.530	7.466.166.894
Công ty TNHH Namsung Shipping Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	3.243.656.785
Yang Ming Marine Transport Corporation	1.257.971.313	4.750.376.712
APL Co., Pte. Ltd	111.595.953	2.659.469.077
Công ty Cổ phần CMA - CGM Việt Nam	1.118.423.801	2.349.220.930
Cheng Lie Navigation Company - Chi nhánh của APL Co., Pte. Ltd	91.976.210	3.234.382.291
Các khách hàng khác	86.934.268.733	71.694.741.319
	193.832.261.311	176.467.954.758

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	9.231.775.141	8.004.951.938
Ký cược, ký quỹ	330.434.000	319.800.000
Phải thu hãng tàu	18.522.146.450	17.961.152.276
Phải thu khác	5.339.913.070	4.611.862.250
	33.424.268.661	30.897.766.464
	33.424.268.661	30.897.766.464

9. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Nguyên vật liệu	23.819.994.100	24.080.712.435
Công cụ và dụng cụ	204.270.000	73.480.000
Hàng hóa	466.822.694	2.287.579.506
	24.491.086.794	26.441.771.941
	24.491.086.794	26.441.771.941

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	803.937.226.701	91.258.324.709	1.283.691.777.564	28.041.024.655	2.206.928.353.629
Tăng trong năm	-	458.528.000	11.063.088.299	847.310.000	12.368.926.299
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	8.546.151.190	43.846.150	33.355.188.779	139.312.000	42.084.498.119
Thanh lý	-	-	(14.244.015.590)	-	(14.244.015.590)
Phân loại lại	11.929.554.966	(1.475.547.273)	1.429.407.273	(11.883.414.966)	-
Số dư cuối năm	824.412.932.857	90.285.151.586	1.315.295.446.325	17.144.231.689	2.247.137.762.457
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	362.539.698.136	46.304.871.432	710.171.756.437	14.483.686.648	1.133.500.012.653
Khấu hao trong năm	55.373.122.115	11.791.743.148	145.382.183.771	1.127.460.757	213.674.509.791
Thanh lý	-	-	(14.244.015.590)	-	(14.244.015.590)
Phân loại lại	841.311.754	(139.621.680)	458.998.558	(1.160.688.632)	-
Số dư cuối năm	418.754.132.005	57.956.992.900	841.768.923.176	14.450.458.773	1.332.930.506.854
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	441.397.528.565	44.953.453.277	573.520.021.127	13.557.338.007	1.073.428.340.976
Số dư cuối năm	405.658.800.852	32.328.158.686	473.526.523.149	2.693.772.916	914.207.255.603

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản với nguyên giá 424.740 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 352.090 triệu VND).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.417.853.001	14.387.333.749	19.805.186.750
Tăng trong năm	-	90.000.000	90.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.541.292.000	1.541.292.000
Số dư cuối năm	5.417.853.001	16.018.625.749	21.436.478.750
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	10.835.540.241	10.835.540.241
Khấu hao trong năm	-	3.222.459.617	3.222.459.617
Số dư cuối năm	-	14.057.999.858	14.057.999.858
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.417.853.001	3.551.793.508	8.969.646.509
Số dư cuối năm	5.417.853.001	1.960.625.891	7.378.478.892

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản với nguyên giá 10.049 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 1.217 triệu VND).

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	79.611.287	7.630.194.303
Tăng trong năm	43.546.178.832	31.254.264.393
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(42.084.498.119)	(37.392.731.409)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.541.292.000)	(360.460.000)
Khác	-	(1.051.656.000)
Số dư cuối năm	-	79.611.287

13. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	12.024.309.375	6.752.163.493
Chi phí bảo hiểm trả trước	4.217.691.322	2.249.466.214
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.487.626.135	4.489.239.354
	<hr/>	<hr/>
	19.729.626.832	13.490.869.061
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí	Công cụ, dụng cụ	
	đặt trả trước	và chi phí trả	Tổng cộng
	VND	trước	VND
		dài hạn khác	VND
		VND	
Số dư đầu năm	521.405.162.230	35.713.802.342	557.118.964.572
Tăng trong năm	-	7.958.697.092	7.958.697.092
Phân bổ trong năm	(16.334.423.680)	(26.026.389.721)	(42.360.813.401)
Thanh lý	-	(1.357.900.663)	(1.357.900.663)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	505.070.738.550	16.288.209.050	521.358.947.600
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và người bán là các bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Người bán là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	30.077.569.570	16.566.155.641
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	24.605.000	99.584.320
Người bán là các bên thứ ba		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Anh Thúy	3.180.937.513	3.518.043.267
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	2.312.140.100	3.766.984.821
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	1.994.996.907	1.854.728.970
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	-	2.574.665.720
Công ty TNHH Xây dựng và Trang trí Nội thất Thăng Long	-	498.300.000
Công ty TNHH Quốc tế B2B	-	21.835.000
Các nhà cung cấp khác	67.237.761.561	58.008.635.522
	104.828.010.651	86.908.933.261

Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phát sinh tăng trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	84.367.126.270	126.321.104.715	(128.942.591.851)	81.745.639.134
Thuế thu nhập cá nhân	-	798.450.736	-	798.450.736

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.415.544.581	156.920.096.547	(128.942.591.851)	(26.516.043.383)	2.877.005.894
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.551.131.689	39.443.858.301	-	(28.161.185.029)	17.833.804.961
Thuế thu nhập cá nhân	1.488.641.918	4.557.961.391	-	(4.950.808.713)	1.095.794.596
Các loại thuế khác	856.513.342	20.025.464.607	-	(20.058.798.562)	823.179.387
	10.311.831.530	220.947.380.846	(128.942.591.851)	(79.686.835.687)	22.629.784.838

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí lãi vay	763.610.915	1.720.868.086
Chi phí hoa hồng nâng hạ tàu	5.791.004.074	1.764.094.950
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.000.000.000	1.578.322.016
	<hr/>	<hr/>
	9.554.614.989	5.063.285.052
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Kinh phí công đoàn	2.532.594.562	2.761.746.714
Cổ tức phải trả	345.405.249	956.088.550
Thu hộ hãng tàu	23.829.178.711	22.844.624.659
Phải trả khác	15.521.037.750	15.800.363.700
	<hr/>	<hr/>
	42.228.216.272	42.362.823.623
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	28.622.525.748	34.172.824.588
Trích lập trong năm	23.000.000.000	25.000.000.000
Sử dụng trong năm	(29.139.478.902)	(30.550.298.840)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	22.483.046.846	28.622.525.748
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	501.123.040.000	36.047.891.246	724.734.652.533	382.190.432.010	300.473.561.232	1.944.569.577.021
Góp vốn	-	-	-	-	891.000.000	891.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	233.977.657.154	51.817.612.210	285.795.269.364
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	40.800.500.100	(40.800.500.100)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(25.000.000.000)	-	(25.000.000.000)
Cổ tức	50.104.940.000	-	-	(169.371.634.400)	(14.261.000.000)	(133.527.694.400)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.650.000.000)	-	(2.650.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2020	551.227.980.000	36.047.891.246	765.535.152.633	378.345.954.664	338.921.173.442	2.070.078.151.985
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	239.706.451.474	56.697.988.875	296.404.440.349
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	31.086.410.523	(31.086.410.523)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(23.000.000.000)	-	(23.000.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(148.831.554.600)	(21.652.825.000)	(170.484.379.600)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.300.000.000)	-	(2.300.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2020	551.227.980.000	36.047.891.246	796.621.563.156	412.834.441.015	373.966.337.317	2.170.698.212.734

20. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	55.122.798	551.227.980.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	55.122.798	551.227.980.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	55.122.798	551.227.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

21. **Cổ tức**

Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức cho năm 2019 tương ứng 20% mệnh giá cổ phần. Trong đó, khoản cổ tức tương ứng 8% mệnh giá cổ phần với giá trị 44.098 triệu VND đã được tạm ứng trong năm 2019 và khoản cổ tức tương ứng 12% mệnh giá cổ phần với giá trị 66.147 triệu VND đã được chi trả trong năm 2020.

Theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 9 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức cho năm 2020 tương ứng 15% mệnh giá cổ phần với giá trị 82.684 triệu VND.

22. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	3.873.513.218	3.891.736.800
Trong vòng hai đến năm năm	15.494.052.870	15.566.947.200
Sau năm năm	14.643.447.372	19.142.381.707
	34.011.013.460	38.601.065.707

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.840.006	42.399.912.362	1.550.418	35.827.460.333
EUR	8	198.016	8	198.016
		42.400.110.378		35.827.658.349

24. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bốc dỡ container	1.083.833.106.273	1.183.415.617.380
Doanh thu lưu bãi, chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	193.188.338.572	214.351.208.822
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	229.106.547.259	207.258.289.824
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	182.737.067.901	187.725.508.033
	1.688.865.060.005	1.792.750.624.059

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.989.101.887	8.854.179.405
Cổ tức	161.250.000	145.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	455.165.195	398.057.375
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	219.193.373	61.246.844
	<hr/>	<hr/>
	10.824.710.455	9.458.483.624
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

26. Chi phí tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	341.031.771	15.408.493.571
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.038.310.923	853.454.243
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	226.187.413	32.236.390
	<hr/>	<hr/>
	1.605.530.107	16.294.184.204
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

27. Chi phí bán hàng

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.246.165.196	1.525.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.624.807.406	18.045.932.375
Chi phí khác	9.006.242.179	11.402.931.863
	<hr/>	<hr/>
	55.877.214.781	30.973.864.238
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	39.497.342.746	34.707.988.362
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.924.941.752	4.795.110.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.012.461.489	19.871.276.566
Chi phí khác	11.023.124.445	6.236.875.828
	<hr/>	<hr/>
	73.457.870.432	65.611.250.927
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	125.122.697.281	124.915.441.332
Chi phí nhân viên	249.503.464.100	235.913.533.034
Chi phí khấu hao và phân bổ	233.231.393.088	232.077.927.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	661.696.947.956	686.246.740.401
Chi phí khác	67.260.682.224	173.285.846.638
	<hr/>	<hr/>

30. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	39.133.918.193	30.351.872.903
Dự phòng thiếu trong những năm trước	250.000.000	26.254.375.801
	<hr/>	<hr/>
	39.383.918.193	56.606.248.704
	<hr/>	<hr/>
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	97.394.817	(228.453.041)
	<hr/>	<hr/>
	39.481.313.010	56.377.795.663
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	335.885.753.359	342.173.065.027
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	67.177.150.672	68.434.613.005
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	469.804.049	370.720.396
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi và các mức thuế suất khác áp dụng tại các công ty con	(23.424.736.055)	(19.291.141.865)
Miễn thuế, giảm thuế	(6.273.355.506)	(20.703.051.446)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	1.678.755.487	3.697.620.791
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(464.100.000)	(2.385.963.094)
Lỗi tính thuế không được ghi nhận	67.172.288	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	622.075	622.075
Dự phòng thiếu trong những năm trước	250.000.000	26.254.375.801
	39.481.313.010	56.377.795.663

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh (“GLC”), Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“VGP”) và Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển xanh (“GIC”), các công ty con của Công ty, có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2013 đến năm 2027 đối với GLC, từ năm 2016 đến năm 2030 đối với VGP và từ năm 2017 đến năm 2031 đối với GIC), và được miễn thuế thu nhập trên lợi nhuận tính thuế trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2013 đến năm 2016 đối với GLC, từ năm 2016 đến năm 2019 đối với VGP và từ năm 2017 đến năm 2020 đối với GIC) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Các ưu đãi thuế trên chỉ được áp dụng cho các hoạt động kinh doanh chính đáp ứng điều kiện ưu đãi đầu tư ghi trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp hoặc Giấy Chứng nhận Đầu tư lần đầu của các đơn vị này. Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh khác chịu thuế suất thông thường là 20%.

Các công ty con còn lại có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập thông thường bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	239.706.451.474	233.977.657.154
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(24.000.000.000)	(23.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	215.706.451.474	210.977.657.154
	<hr/>	<hr/>

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty dự kiến trích quỹ khen thưởng và phúc lợi, ước tính là 24.000 triệu VND.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020	2019
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	55.122.798	50.112.304
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại ngày 18 tháng 6 năm 2019	-	5.010.494
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	55.122.798	55.122.798
	<hr/>	<hr/>

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ		
Cung cấp dịch vụ	49.873.516.600	49.900.660.600
Sử dụng dịch vụ	142.327.885.128	134.205.963.762
Cổ tức được chia	-	4.410.100.000
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng		
Cung cấp dịch vụ	3.161.001.956	-
Sử dụng dịch vụ	321.417.917	-
Cổ tức được chia	1.998.000.000	1.864.000.000
Công ty TNHH Tuyển Container T.S Hà Nội		
Cung cấp dịch vụ	29.459.294.089	28.990.533.384
Sử dụng dịch vụ	15.723.600	948.048.430
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.942.912.182	2.993.012.599
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thưởng	2.300.000.000	2.650.000.000

33. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Đoàn Thị Phương Thảo
Kế toán viên

Người duyệt:

Lê Thế Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

* Báo cáo tài chính Công ty Mẹ năm 2020 đã kiểm toán được trình bày trên website của Công ty theo địa chỉ : www.viconship.com

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Tiến